

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

**ẢNH HƯỞNG CỦA NGÔN NGỮ MẠNG XÃ HỘI
ĐẾN CHUẨN MỰC NGÔN NGỮ HIỆN ĐẠI****BUI THỊ ĐÀO* - NGUYỄN THỊ THANH BÌNH****

TÓM TẮT: Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của công nghệ số, ngôn ngữ mạng xã hội đã trở thành một môi trường giao tiếp phổ biến và có sức ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống ngôn ngữ. Bài báo này phân tích ảnh hưởng của ngôn ngữ mạng xã hội đến chuẩn mực ngôn ngữ hiện đại, tập trung vào các khía cạnh như biến đổi từ vựng, cú pháp, phong cách diễn đạt và chuẩn chính tả. Dựa trên các phương pháp phân tích, quan sát và so sánh đối chiếu, nghiên cứu chỉ ra rằng mạng xã hội vừa góp phần thúc đẩy sự sáng tạo ngôn ngữ, vừa đặt ra thách thức đối với việc duy trì chuẩn mực. Từ đó, bài viết đề xuất một số định hướng nhằm cân bằng giữa tính linh hoạt và tính chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ.

TỪ KHÓA: Ngôn ngữ mạng xã hội; chuẩn mực ngôn ngữ; phi ngôn từ; biến đổi ngôn ngữ; giao tiếp số.

NHẬN BÀI: 06/04/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 11/09/2026

1. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ là một hiện tượng xã hội đặc biệt, vừa mang tính ổn định vừa không ngừng biến đổi theo sự vận động của đời sống con người. Theo Halliday (1978, tr.256), ngôn ngữ là một hệ thống kí hiệu xã hội được sử dụng để kiến tạo và truyền đạt ý nghĩa trong những ngữ cảnh cụ thể. Với tư cách là công cụ giao tiếp trung tâm của xã hội, ngôn ngữ không tồn tại một cách biệt lập mà luôn chịu sự chi phối của các yếu tố kinh tế, văn hóa, xã hội và đặc biệt là công nghệ. Mỗi bước phát triển của công nghệ truyền thông đều kéo theo những biến đổi đáng kể trong cách con người sử dụng ngôn ngữ.

Theo Crystal (2006, tr.47-50), ngôn ngữ của mạng xã hội là một dạng “lai” giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết, vừa mang tính tự phát, tức thời của lời nói, vừa mang dấu ấn lưu trữ của văn bản viết. Điều này dẫn đến sự xuất hiện của nhiều đặc điểm mới như viết tắt, ký hiệu hóa, sử dụng biểu tượng, hay phá vỡ cấu trúc câu truyền thống. Tại Việt Nam, sự phổ biến mạnh mẽ của mạng xã hội, đặc biệt trong giới trẻ và học sinh, sinh viên, đã thúc đẩy sự hình thành của nhiều hiện tượng ngôn ngữ mới như “teencode”, ngôn ngữ pha trộn (code-mixing), vay mượn từ tiếng Anh, hay sử dụng các cấu trúc phi chuẩn trong giao tiếp hàng ngày. Những hiện tượng này không chỉ phản ánh tính sáng tạo và khả năng thích ứng của người sử dụng ngôn ngữ, mà còn đặt ra nhiều vấn đề đáng quan tâm đối với việc phát triển chuẩn mực ngôn ngữ tiếng Việt. Một mặt, ngôn ngữ mạng góp phần làm giàu vốn biểu đạt và tăng tính linh hoạt trong giao tiếp; mặt khác, việc lạm dụng các hình thức phi chuẩn có thể ảnh hưởng tiêu cực đến năng lực ngôn ngữ, đặc biệt trong môi trường học thuật và giáo dục.

Từ thực tiễn đó, một vấn đề mang tính học thuật và xã hội được đặt ra là: liệu mạng xã hội đang làm suy yếu chuẩn mực ngôn ngữ hay đang góp phần tái định hình chúng theo hướng phù hợp với bối cảnh giao tiếp mới? Việc trả lời câu hỏi này không chỉ có ý nghĩa về mặt lí luận trong nghiên cứu ngôn ngữ học xã hội và ngôn ngữ học ứng dụng, mà còn có giá trị thực tiễn trong việc định hướng giáo dục ngôn ngữ, xây dựng chính sách ngôn ngữ và nâng cao ý thức sử dụng ngôn ngữ trong cộng đồng. Do vậy, bài báo này hướng tới việc phân tích một cách hệ thống ảnh hưởng của mạng xã hội đến chuẩn mực ngôn ngữ hiện đại, tập trung vào các biểu hiện cụ thể, nguyên nhân và hệ quả của

*TS; Trường Đại học Quy Nhơn; Email: buithidao@qnu.edu.vn

**Trường Đại học Quy Nhơn; Email: nguyenthithanhbinh@qnu.edu.vn

hiện tượng này. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất một số định hướng nhằm dung hòa giữa việc chuẩn mực ngôn ngữ và việc chấp nhận những biến đổi tất yếu trong thời đại số.

2. Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý thuyết

2.1. Tổng quan nghiên cứu

Ảnh hưởng của ngôn ngữ mạng đối với ngôn ngữ chuẩn mực đã được nghiên cứu từ khá sớm. Crystal (2006) tập trung mô tả đặc điểm ngôn ngữ Internet và nhấn mạnh sự tương đồng và khác biệt giữa nói và viết. Thurlow (2003) và Mroczek (2011) quan tâm đến đặc điểm của giao tiếp công nghệ số, trong đó có xu hướng rút gọn, sáng tạo và điều chỉnh ngôn ngữ theo tốc độ tương tác. Tagliamonte và Denis (2016) sử dụng một kho ngữ liệu lớn gồm hơn một triệu từ trong giao tiếp tin nhắn của 72 thanh thiếu niên và đối chiếu với ngôn ngữ nói, qua đó cho thấy ngôn ngữ trực tuyến vẫn có quan hệ chặt chẽ với hệ thống ngôn ngữ hiện có.

Ở Việt Nam, nghiên cứu về lĩnh vực này chú ý nhiều đến sự hình thành của một biến thể ngôn ngữ gắn với cộng đồng mạng, đặc biệt là ở người trẻ. Nguyễn Văn Khang (2019) bàn về “ngôn ngữ mạng” như một biến thể của tiếng Việt trên mạng và đặt hiện tượng này trong mối quan hệ với biến đổi ngôn ngữ và giao tiếp xã hội. Các nghiên cứu gần đây tiếp tục mở rộng hướng tiếp cận này. Chẳng hạn, Nguyen, Le và Nguyen (2024) nghiên cứu về sự chuẩn hóa từ vựng tiếng Việt trên mạng xã hội gồm hơn 10.000 cặp câu được gán nhãn thủ công từ các bình luận công khai. Công trình này cho thấy sự tồn tại của một lớp từ ngữ phi chuẩn đủ lớn và có hệ thống để trở thành đối tượng nghiên cứu riêng của chuẩn hóa ngôn ngữ tiếng Việt trên mạng xã hội. Các kết quả này cho thấy ngôn ngữ mạng xã hội, đặc biệt Facebook và TikTok, là những nguồn quan trọng thúc đẩy sự lan truyền của việc sáng tạo từ vựng và ảnh hưởng đến chuẩn mực ngôn ngữ.

2.2. Cơ sở lý thuyết

2.2.1. Chuẩn mực ngôn ngữ và hình thức phi chuẩn

Trong khoảng hai thập kỷ gần đây, sự bùng nổ của Internet và các nền tảng mạng xã hội như Facebook, TikTok, Instagram, Zalo và Twitter đã tạo ra một không gian giao tiếp hoàn toàn mới, mang tính mở, linh hoạt và có tốc độ lan truyền thông tin rất cao. Theo Boyd và Ellison (2007, tr.211), mạng xã hội là các dịch vụ trực tuyến cho phép cá nhân xây dựng hồ sơ công khai, thiết lập các mối quan hệ và tương tác trong một hệ thống mạng lưới. Trong môi trường này, giao tiếp không chỉ diễn ra bằng văn bản mà còn kết hợp với hình ảnh, âm thanh, biểu tượng cảm xúc (emoji), tạo nên một hình thức giao tiếp đa phương thức (multimodal communication). Sự thay đổi môi trường giao tiếp đã dẫn đến những biến đổi đáng kể trong việc sử dụng ngôn ngữ. Các quy tắc truyền thống về chính tả, ngữ pháp, phong cách vốn được xem là chuẩn mực trong ngôn ngữ viết chính thống dần trở nên linh hoạt hơn. Người dùng, đặc biệt là giới trẻ, có xu hướng rút gọn, sáng tạo và cá nhân hóa ngôn ngữ nhằm tăng tốc độ giao tiếp và thể hiện bản sắc cá nhân.

Chuẩn mực ngôn ngữ được hiểu là hệ thống các quy tắc và quy ước được xã hội chấp nhận trong việc sử dụng ngôn ngữ, bao gồm các phương diện như chính tả, ngữ pháp, từ vựng và phong cách diễn đạt. Theo Nguyễn Văn Khang (2012, tr.45-47), chuẩn mực ngôn ngữ là “những quy tắc sử dụng ngôn ngữ được cộng đồng xã hội thừa nhận và tuân thủ nhằm đảm bảo tính thống nhất và hiệu quả trong giao tiếp”. Như vậy, chuẩn mực đóng vai trò nền tảng trong việc duy trì sự ổn định và tính chính xác của ngôn ngữ trong các lĩnh vực chính như giáo dục, hành chính và truyền thông. Tuy nhiên, chuẩn mực ngôn ngữ không phải là một hệ thống bất biến. Theo Milroy & Milroy (1999, tr.19-21), chuẩn mực ngôn ngữ là sản phẩm của quá trình xã hội hóa và chịu ảnh hưởng của các yếu tố lịch sử, văn hóa và quyền lực xã hội. Các tác giả cho rằng cái gọi là “chuẩn” thực chất là kết quả của quá trình chuẩn hóa (standardization), và do đó luôn có khả năng thay đổi theo thời gian.

Hình thức phi chuẩn trong bài viết này được hiểu theo nghĩa hẹp để chỉ những hình thức lệch khỏi quy ước chuẩn được lựa chọn làm mốc đối chiếu trong một bối cảnh cụ thể, chẳng hạn viết không dấu hoặc viết tắt trong văn bản học thuật. Cách gọi này tránh việc gán nhãn “sai” cho mọi sáng tạo ngôn ngữ trên mạng. Tiêu chí đánh giá vì thế gồm: tính dễ hiểu, tính phù hợp với mục đích giao tiếp, mức độ được cộng đồng chấp nhận và yêu cầu của thể loại văn bản. Vì thế, có thể nói rằng chuẩn

mức có vai trò bảo đảm tính ổn định và khả năng hiểu lẫn nhau; còn hình thức phi chuẩn có thể được chấp nhận trong những phạm vi nhất định. Do vậy, quá trình biến đổi ngôn ngữ có thể diễn ra từ một sáng tạo cá nhân, qua lan truyền cộng đồng, đến sự ổn định hóa của một hình thức mới.

2.2.2. Ngôn ngữ mạng xã hội với vấn đề chuẩn mực ngôn ngữ

Ngôn ngữ mạng xã hội trong nghiên cứu này không được hiểu là toàn bộ hoạt động của mạng xã hội mà chỉ là các cách sử dụng ngôn ngữ xuất hiện trong bài đăng, bình luận, tin nhắn và tương tác số. Đây là một dạng giao tiếp chịu tác động đồng thời của tính tức thời, tính tương tác, giới hạn chú ý, đặc điểm kỹ thuật của nền tảng và quan hệ giữa người tham gia. Đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ mạng xã hội là khả năng kết hợp chữ viết với các phương tiện phi lời như *emoji*, *sticker*, *GIF*, hình ảnh và các ký hiệu trình bày. Những phương tiện này có thể hỗ trợ biểu đạt thái độ, cảm xúc và hàm ý trong ngữ cảnh văn bản không có giọng điệu, nét mặt hoặc cử chỉ. Danesi (2016) xem *emoji* như một dạng ngôn ngữ hình ảnh bổ sung cho chữ viết; Herring và cộng sự (2013) nhấn mạnh tính đa phương thức của giao tiếp qua máy tính.

Do vậy, ngôn ngữ mạng xã hội vì thế có thể hình thành những quy ước nội bộ. Ví dụ, “*ib*” và “*rep*” có thể được người dùng Việt Nam hiểu nhanh trong môi trường mạng; “*ko*” hoặc “*k*” có chức năng rút gọn “*không*”; “*4u*” trong tiếng Anh là một dạng viết tắt dựa trên sự tương đồng âm thanh. Những hình thức này có tính quy ước trong một số cộng đồng nhưng không vì thế trở thành dạng phù hợp cho mọi loại văn bản. Chính sự phân loại theo bối cảnh là điểm cần được nhấn mạnh khi bàn về chuẩn mực.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo sử dụng phương pháp nghiên cứu tư liệu kết hợp phân tích định tính và quan sát, so sánh - đối chiếu. Việc lựa chọn phương pháp được điều chỉnh để phù hợp với loại dữ liệu thực tế của bài viết: bài không tự nhận là một khảo sát định lượng trên người dùng mạng xã hội, mà tổng hợp kết quả của các nghiên cứu đã công bố và phân tích các ví dụ ngôn ngữ tiêu biểu được nêu trong các công trình đó.

Nguồn dữ liệu từ các công trình về ngôn ngữ Internet, ngôn ngữ mạng xã hội và chuẩn mực ngôn ngữ như Milroy và Milroy (1999), Thurlow (2003), Crystal (2006), Tagliamonte và Denis (2008), Thurlow và Mroczek (2011), Nguyễn Văn Khang (2012, 2019), Danesi (2016) cùng các nghiên cứu gần đây về tiếng Việt trên Facebook và chuẩn hóa từ vựng tiếng Việt trên mạng xã hội. Để tăng độ tính cậy, bài báo phân loại ví dụ theo 4 nhóm: (1) viết tắt và rút gọn; (2) sử dụng biểu tượng phi ngôn từ; (3) sáng tạo từ vựng; (4) pha trộn Việt-Anh. Cách thiết kế này khắc phục tình trạng nêu quá nhiều phương pháp nhưng không chỉ ra dữ liệu tương ứng. Đồng thời, bài viết không đưa ra các kết luận kiểu “mạng xã hội làm suy giảm năng lực ngôn ngữ” khi chưa có dữ liệu thực nghiệm theo dõi người dùng trước và sau khi sử dụng mạng xã hội.

4. Phân tích và thảo luận

4.1. Xu hướng rút gọn và viết tắt

Qua quan sát có thể thấy rằng, một trong những đặc điểm nổi bật và dễ nhận thấy nhất của ngôn ngữ trên mạng xã hội là xu hướng rút gọn và sử dụng các dạng viết tắt. Hiện tượng này diễn ra phổ biến trong hầu hết các nền tảng giao tiếp số như Facebook, Zalo, Instagram hay TikTok, nơi người dùng có xu hướng tối ưu hóa tốc độ truyền đạt thông tin. Các dạng viết tắt thường xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, bao gồm: rút gọn âm tiết (ví dụ: “*ko*”, “*k*” thay cho “*không*”; “*bt*” thay cho “*biết*”), sử dụng chữ cái đầu (ví dụ: “*ib*” - *inbox*, “*rep*” - *reply*), hoặc kết hợp giữa chữ cái và số (ví dụ: “*4u*” *for you*, “*u2*” *you too* trong tiếng Anh).

Về mặt chức năng, việc sử dụng các dạng rút gọn và viết tắt không chỉ nhằm tiết kiệm thời gian và công sức trong quá trình nhập liệu mà còn phù hợp với đặc trưng giao tiếp nhanh, liên tục và mang tính tương tác cao của môi trường số. Theo Thurlow (2003, tr.5), ngôn ngữ giao tiếp trực tuyến có xu hướng “tôi giản hóa hình thức nhưng tôi đa hóa hiệu quả truyền đạt”, trong đó các dạng viết tắt đóng vai trò như một chiến lược ngôn ngữ giúp người dùng phản hồi nhanh chóng và duy trì dòng tương tác liên tục. Điều này đặc biệt rõ rệt trong các cuộc trò chuyện theo thời gian thực (real-time

interaction), nơi tốc độ phản hồi được xem là yếu tố quan trọng trong việc duy trì sự chú ý và kết nối giữa các cá nhân.

Bên cạnh đó, hiện tượng rút gọn còn phản ánh tính sáng tạo và linh hoạt của người dùng trong việc thích nghi với môi trường giao tiếp mới. Theo Crystal (2006), các hình thức viết tắt và biến đổi chính tả không đơn thuần là sự “lệch chuẩn” mà là biểu hiện của một hệ thống quy ước mới đang dần hình thành trong cộng đồng người dùng Internet. Những quy ước này mang tính phi chính thức nhưng lại có mức độ phổ biến cao và được hiểu ngầm trong các nhóm người dùng nhất định, đặc biệt là giới trẻ. Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích về mặt hiệu quả giao tiếp, xu hướng này cũng đặt ra một số vấn đề đáng lưu ý. Việc lạm dụng viết tắt có thể dẫn đến sự mơ hồ trong diễn đạt, đặc biệt đối với những người không quen thuộc với các quy ước này hoặc trong các ngữ cảnh giao tiếp mang tính trang trọng. Ngoài ra, theo Baron (2008), việc tiếp xúc thường xuyên với các dạng ngôn ngữ rút gọn có thể ảnh hưởng đến khả năng sử dụng ngôn ngữ chuẩn, nhất là trong kỹ năng viết học thuật của học sinh và sinh viên.

Tóm lại, xu hướng rút gọn và viết tắt trong ngôn ngữ mạng xã hội là một hiện tượng tất yếu, phản ánh sự thích nghi của ngôn ngữ với điều kiện giao tiếp mới trong thời đại số. Nó vừa mang lại hiệu quả giao tiếp cao, vừa đặt ra yêu cầu cần có sự nhận thức và điều chỉnh phù hợp khi chuyển đổi giữa các phong cách ngôn ngữ khác nhau.

4.2. Sử dụng biểu tượng phi ngôn từ

Bên cạnh ngôn ngữ chữ viết, một đặc điểm nổi bật khác của giao tiếp trên mạng xã hội là sự gia tăng mạnh mẽ của các phương tiện phi ngôn từ, đặc biệt là emoji, sticker và GIF. Những yếu tố này đóng vai trò như các “tín hiệu thị giác” (visual cues), góp phần làm phong phú thêm nội dung giao tiếp và hỗ trợ người dùng truyền tải cảm xúc, thái độ cũng như ý định một cách sinh động hơn. Trong bối cảnh giao tiếp trực tuyến thiếu vắng các yếu tố phi ngôn từ truyền thống như ngữ điệu, nét mặt hay cử chỉ, việc sử dụng các biểu tượng này trở thành một chiến lược bù đắp quan trọng. Theo Danesi (2016, tr.208), “emoji” có thể được xem như một dạng “ngôn ngữ hình ảnh” (visual language), hoạt động song song và bổ sung cho ngôn ngữ chữ viết trong quá trình kiến tạo ý nghĩa. Danesi (2016, tr.63-65) cho rằng “emoji” không chỉ đơn thuần là yếu tố trang trí mà còn mang chức năng ngữ nghĩa và ngữ dụng rõ rệt, giúp người dùng biểu đạt các sắc thái cảm xúc như vui vẻ, mỉa mai, đồng cảm hoặc giận dữ mà văn bản thuần túy khó thể hiện đầy đủ. Nhờ đó, “emoji” góp phần làm giảm khả năng hiểu sai thông điệp và tăng tính chính xác trong giao tiếp.

Ngoài ra, theo Susan (2010, tr.249-268), trong nghiên cứu về diễn ngôn trên môi trường số, các yếu tố phi ngôn từ như emoticon, “emoji” hay GIF được xem là những “dấu hiệu siêu ngôn ngữ” (paralinguistic cues), có chức năng tương tự như ngữ điệu và cử chỉ trong giao tiếp trực tiếp. Những dấu hiệu này giúp người tham gia giao tiếp xác định thái độ của người nói, ví dụ như phân biệt giữa một câu nói mang tính hài hước và một câu nói mang tính nghiêm túc. Điều này đặc biệt quan trọng trong môi trường trực tuyến, nơi mà thông điệp thường ngắn gọn và dễ bị diễn giải theo nhiều cách khác nhau. Không chỉ dừng lại ở việc biểu đạt cảm xúc, các phương tiện phi ngôn từ còn góp phần hình thành phong cách giao tiếp và bản sắc cá nhân của người dùng. Theo McCulloch (2019, tr.178-182), việc lựa chọn và sử dụng “emoji” có thể phản ánh độ tuổi, giới tính, nền tảng văn hóa và thậm chí là “giọng điệu số” (digital tone of voice) của người sử dụng. Chẳng hạn, một số emoji có thể mang ý nghĩa khác nhau tùy vào ngữ cảnh hoặc cộng đồng sử dụng, từ đó tạo nên những quy ước giao tiếp mang tính đặc thù.

Tuy nhiên, việc sử dụng các biểu tượng phi ngôn từ cũng tồn tại những hạn chế nhất định. Do tính đa nghĩa và phụ thuộc vào ngữ cảnh, “emoji” và GIF đôi khi có thể gây hiểu nhầm, đặc biệt trong giao tiếp liên văn hóa. Bên cạnh đó, trong các văn bản mang tính học thuật hoặc trang trọng, việc lạm dụng các yếu tố này có thể làm giảm tính nghiêm túc và chuẩn mực của ngôn ngữ. Tóm lại, việc sử dụng các biểu tượng phi ngôn từ như “emoji”, sticker và GIF là một đặc trưng quan trọng của ngôn ngữ mạng xã hội trong thời đại số. Những phương tiện này không chỉ giúp bù đắp hạn chế của giao

tiếp văn bản mà còn góp phần mở rộng khả năng biểu đạt của ngôn ngữ, đồng thời phản ánh sự sáng tạo và thích nghi linh hoạt của con người trong môi trường giao tiếp mới.

4.3. Sáng tạo từ vựng

Mạng xã hội được xem là một môi trường đặc biệt thuận lợi cho quá trình sáng tạo và lan truyền từ vựng mới. Trong không gian giao tiếp số, người dùng không bị ràng buộc chặt chẽ bởi các chuẩn mực ngôn ngữ truyền thống, từ đó có thể tự do thử nghiệm các cách diễn đạt mới, tạo ra các từ ngữ mang tính sáng tạo, linh hoạt và giàu sắc thái biểu cảm. Những từ như “*crush*”, “*flex*”, “*toxic*”, “*viral*” hay các biến thể tiếng Việt hóa như “*thả thính*”, “*bóc phốt*”, “*sống ảo*” nhanh chóng được phổ biến rộng rãi và dần trở thành một phần của ngôn ngữ giao tiếp thường ngày, đặc biệt trong giới trẻ. Về mặt cơ chế, sự sáng tạo từ vựng trên mạng xã hội thường diễn ra thông qua các quá trình như vay mượn (borrowing), chuyển nghĩa (semantic shift), ghép từ (compounding) và biến đổi hình thức (word formation). Theo Aitchison (2013, tr.156-158), sự đổi mới từ vựng là một trong những biểu hiện rõ rệt nhất của biến đổi ngôn ngữ, thường xuất hiện mạnh mẽ trong các môi trường giao tiếp năng động và ít bị kiểm soát. Điều này đặc biệt phù hợp với bối cảnh mạng xã hội, nơi tốc độ lan truyền thông tin diễn ra nhanh chóng và có tính lan tỏa cao.

Bên cạnh đó, theo Thurlow và Mroczek (2011, tr.12-15), môi trường giao tiếp trực tuyến tạo điều kiện cho người dùng “thử nghiệm ngôn ngữ” (linguistic experimentation), qua đó thúc đẩy sự xuất hiện và phổ biến của các từ ngữ mới. Các tác giả cho rằng tính tương tác cao và khả năng lan truyền tức thời của mạng xã hội giúp các sáng tạo ngôn ngữ nhanh chóng được cộng đồng tiếp nhận, đánh giá và chuẩn hóa ở mức độ nhất định. Ngoài ra, Crystal (2006, tr.84-87) cũng nhấn mạnh rằng Internet đóng vai trò như một “phòng thí nghiệm ngôn ngữ” (linguistic laboratory), nơi các hình thức từ vựng mới liên tục được thử nghiệm. Một số từ có thể chỉ tồn tại trong thời gian ngắn, trong khi những từ khác có thể trở nên phổ biến và được đưa vào từ điển chính thức. Tuy nhiên, quá trình sáng tạo từ vựng cũng đặt ra những thách thức nhất định đối với việc duy trì chuẩn mực ngôn ngữ. Việc sử dụng tràn lan các từ ngữ mới, đặc biệt là từ vay mượn hoặc biến dạng, có thể gây khó khăn trong việc hiểu nghĩa đối với những nhóm người dùng khác nhau hoặc trong các ngữ cảnh giao tiếp trang trọng. Do vậy, có thể nói rằng sáng tạo từ vựng trên mạng xã hội là một biểu hiện rõ nét của tính năng động và khả năng thích nghi của ngôn ngữ trong thời đại số, đồng thời phản ánh sự tương tác liên tục giữa ngôn ngữ và các yếu tố văn hóa - xã hội.

4.4. Pha trộn ngôn ngữ

Hiện tượng pha trộn ngôn ngữ (code-switching), đặc biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh, ngày càng trở nên phổ biến trong giao tiếp trên mạng xã hội. Người dùng thường xen kẽ các từ, cụm từ hoặc câu tiếng Anh vào trong phát ngôn tiếng Việt, ví dụ như: “*Hôm nay mình rất stress*”, “*Bài này thật sự viral*”, hay “*Check inbox giúp mình nhé*”. Hiện tượng này không chỉ xuất hiện ở giới trẻ mà còn lan rộng ra nhiều nhóm người dùng khác nhau, phản ánh sự thay đổi trong thói quen ngôn ngữ dưới tác động của toàn cầu hóa và công nghệ. Theo Gardner-Chloros (2009, tr.4-7), pha trộn ngôn ngữ là một hiện tượng phổ biến trong các cộng đồng song ngữ và đa ngữ, nơi người nói linh hoạt chuyển đổi giữa các ngôn ngữ nhằm đạt được hiệu quả giao tiếp tối ưu. Việc chuyển đổi này có thể phục vụ nhiều mục đích khác nhau như nhấn mạnh ý nghĩa, thể hiện bản sắc cá nhân hoặc thích ứng với ngữ cảnh giao tiếp.

Trong bối cảnh môi trường số, hiện tượng này còn được lý giải thông qua khái niệm “đa ngôn ngữ mạng” (networked multilingualism). Theo Androutsopoulos (2014, tr.3-5), mạng xã hội tạo ra một không gian giao tiếp mới, nơi các nguồn lực ngôn ngữ từ nhiều ngôn ngữ khác nhau được huy động một cách linh hoạt và sáng tạo. Người dùng không chỉ chuyển đổi giữa các ngôn ngữ mà còn kết hợp chúng theo những cách thức mới, tạo nên các dạng diễn ngôn lai (hybrid discourse) đặc trưng của thời đại số.

Bên cạnh đó, theo Tagliamonte & Denis, (2008, tr.10-12), trong nghiên cứu về ngôn ngữ thanh thiếu niên trên Internet, việc pha trộn ngôn ngữ còn phản ánh xu hướng hội nhập văn hóa và ảnh hưởng mạnh mẽ của tiếng Anh như một ngôn ngữ toàn cầu. Các tác giả cho rằng môi trường trực

tuyên làm gia tăng tần suất tiếp xúc với tiếng Anh, từ đó thúc đẩy việc vay mượn và chuyển đổi ngôn ngữ trong giao tiếp hàng ngày. Tuy nhiên, hiện tượng này cũng đặt ra một số vấn đề cần lưu ý. Việc lạm dụng pha trộn ngôn ngữ có thể dẫn đến sự “lai tạp” trong diễn đạt, ảnh hưởng đến tính trong sáng của tiếng Việt, đặc biệt trong các văn bản mang tính chính thức. Đồng thời, nó cũng có thể tạo ra rào cản giao tiếp đối với những người không thành thạo ngoại ngữ. Tóm lại, pha trộn ngôn ngữ trên mạng xã hội là một hiện tượng tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát triển công nghệ. Nó không chỉ phản ánh sự linh hoạt trong sử dụng ngôn ngữ mà còn cho thấy sự hình thành của những chuẩn mực giao tiếp mới trong xã hội hiện đại

4.5. Ảnh hưởng tích cực của mạng xã hội

4.5.1. Thúc đẩy sự sáng tạo ngôn ngữ

Mạng xã hội tạo ra một môi trường giao tiếp mở, linh hoạt và ít bị ràng buộc bởi các chuẩn mực ngôn ngữ truyền thống, từ đó khuyến khích người dùng sáng tạo trong cách diễn đạt. Trong không gian này, người dùng có thể tự do thử nghiệm các hình thức ngôn ngữ mới như biến đổi từ vựng, sáng tạo cách viết, kết hợp đa phương thức (text + emoji + hình ảnh), qua đó hình thành những phong cách diễn đạt độc đáo và mang tính cá nhân cao. Theo Crystal (2006, tr.48-50), ngôn ngữ trên Internet thể hiện mức độ linh hoạt và sáng tạo chưa từng có, do người dùng không chỉ tiếp nhận mà còn tham gia vào quá trình tạo lập và biến đổi ngôn ngữ. Crystal cho rằng môi trường trực tuyến đóng vai trò như một “không gian thử nghiệm” (experimental space), nơi các biến thể ngôn ngữ có thể được hình thành, lan truyền và được cộng đồng chấp nhận trong thời gian ngắn. Sự xuất hiện của các dạng ngôn ngữ mới này cho thấy khả năng thích nghi mạnh mẽ của ngôn ngữ trước những thay đổi của môi trường giao tiếp hiện đại.

Bên cạnh đó, Aitchison (2013, tr.159-162) cũng nói rằng, sự đổi mới ngôn ngữ thường gắn liền với những bối cảnh xã hội năng động, nơi các cá nhân có nhu cầu thể hiện bản sắc và sáng tạo. Mạng xã hội chính là một trong những môi trường tiêu biểu cho quá trình này, khi người dùng liên tục điều chỉnh và sáng tạo ngôn ngữ để phù hợp với mục đích giao tiếp và cộng đồng mà họ tham gia.

4.5.2. Làm phong phú vốn từ

Một trong những tác động tích cực quan trọng của mạng xã hội là khả năng làm phong phú vốn từ vựng của người dùng. Thông qua việc tiếp xúc thường xuyên với các nguồn thông tin đa dạng, bao gồm nội dung từ nhiều lĩnh vực khác nhau và từ nhiều cộng đồng ngôn ngữ, người dùng có cơ hội tiếp nhận và sử dụng các đơn vị từ vựng mới một cách tự nhiên. Baron (2008, tr.112-115) cho rằng, môi trường trực tuyến tạo điều kiện thuận lợi cho việc lan truyền nhanh chóng các từ ngữ mới, đặc biệt là các từ vay mượn, thuật ngữ chuyên ngành và tiếng lóng. Baron nhấn mạnh thêm sự tiếp xúc liên tục với các dạng ngôn ngữ đa dạng giúp người dùng mở rộng vốn từ và nâng cao khả năng diễn đạt, đặc biệt trong các ngữ cảnh giao tiếp không chính thức. Ngoài ra, Crystal (2006, tr.70-72) cũng cho rằng, Internet còn góp phần thúc đẩy quá trình toàn cầu hóa ngôn ngữ, khi người dùng dễ dàng tiếp cận với các nguồn ngôn ngữ khác nhau, từ đó làm giàu vốn từ và tăng khả năng sử dụng ngôn ngữ linh hoạt trong nhiều bối cảnh.

4.5.3. Tăng khả năng tương tác

Ngôn ngữ trên mạng xã hội mang tính tương tác cao, cho phép người dùng phản hồi nhanh chóng và linh hoạt trong nhiều tình huống giao tiếp khác nhau. Đặc điểm này góp phần làm tăng hiệu quả giao tiếp, tạo cảm giác gần gũi và duy trì sự kết nối giữa các cá nhân trong môi trường số. Theo Crystal (2006, tr.87-90), ngôn ngữ Internet là sự kết hợp giữa đặc điểm của ngôn ngữ nói (tính tự nhiên, linh hoạt, giàu biểu cảm) và ngôn ngữ viết (tính rõ ràng, có cấu trúc), từ đó tạo nên một hình thức giao tiếp lai (hybrid form). Chính sự kết hợp này giúp người dùng dễ dàng điều chỉnh cách diễn đạt để phù hợp với từng ngữ cảnh, đồng thời nâng cao tính tương tác trong giao tiếp. Bên cạnh đó, theo Herring và các cộng sự (2013, tr.7-9), giao tiếp trên môi trường số có tính “đa phương thức” (multimodal), kết hợp giữa văn bản, hình ảnh và biểu tượng, từ đó làm tăng khả năng truyền tải thông tin và tạo điều kiện cho sự tương tác hiệu quả hơn giữa các cá nhân.

4.6. Ảnh hưởng tiêu cực

4.6.1. Suy giảm chuẩn chính tả

Một trong những hệ quả tiêu cực đáng chú ý của việc sử dụng ngôn ngữ trên mạng xã hội là nguy cơ suy giảm chuẩn chính tả. Việc thường xuyên sử dụng các dạng viết tắt, viết không dấu hoặc cố ý sai chính tả có thể hình thành thói quen ngôn ngữ không chuẩn, đặc biệt ở học sinh và sinh viên. Theo Baron (2008, tr.161-165), việc sử dụng ngôn ngữ không chuẩn trong môi trường trực tuyến có thể ảnh hưởng tiêu cực đến khả năng viết trong các ngữ cảnh chính thức. Baron cho rằng sự “xâm nhập” của các thói quen viết không chuẩn từ môi trường số vào văn bản học thuật là một vấn đề cần được quan tâm, đặc biệt trong giáo dục. Ngoài ra Crystal (2006, tr.118-120) cũng cho rằng, mặc dù ngôn ngữ Internet có tính sáng tạo cao, nhưng việc thiếu sự kiểm soát trong sử dụng có thể dẫn đến sự suy giảm về tính chính xác và chuẩn mực của ngôn ngữ.

4.6.2. Đơn giản hóa cấu trúc ngôn ngữ

Ngôn ngữ trên mạng xã hội thường có xu hướng đơn giản hóa cấu trúc câu, sử dụng các câu ngắn, lược bỏ thành phần ngữ pháp và giảm thiểu sự liên kết logic giữa các ý. Điều này phù hợp với đặc điểm giao tiếp nhanh nhưng có thể ảnh hưởng đến khả năng diễn đạt các ý tưởng phức tạp.

Theo Crystal (2006, tr.97-100), ngôn ngữ trực tuyến ưu tiên tính nhanh chóng và hiệu quả, dẫn đến việc người dùng thường sử dụng các cấu trúc đơn giản và rút gọn. Mặc dù điều này giúp tăng tốc độ giao tiếp, nhưng về lâu dài có thể làm hạn chế khả năng sử dụng các cấu trúc ngôn ngữ phức tạp, đặc biệt trong các văn bản học thuật hoặc chuyên môn. Bên cạnh đó, Leech et al. (2009, tr.245-248) cũng cho rằng, sự thay đổi trong cách sử dụng cấu trúc câu trong môi trường số có thể phản ánh xu hướng “khẩu ngữ hóa” (colloquialization), trong đó ngôn ngữ viết ngày càng mang đặc điểm của ngôn ngữ nói.

4.6.3. Khoảng cách thế hệ

Sự khác biệt trong cách sử dụng ngôn ngữ giữa các thế hệ là một hệ quả khác của sự phát triển ngôn ngữ trên mạng xã hội. Các biến thể ngôn ngữ mới, đặc biệt là tiếng lóng, viết tắt và biểu tượng, thường được giới trẻ sử dụng phổ biến, trong khi các thế hệ lớn tuổi có thể gặp khó khăn trong việc tiếp nhận và hiểu các hình thức này. Theo Tagliamonte và Denis (2008, tr.15), trong nghiên cứu về ngôn ngữ của thanh thiếu niên trên Internet, các biến thể ngôn ngữ trực tuyến thường mang tính đặc thù của nhóm tuổi trẻ và đóng vai trò như một dấu hiệu nhận diện nhóm (group identity marker). Điều này có thể tạo ra rào cản giao tiếp giữa các thế hệ, khi mỗi nhóm sử dụng những quy ước ngôn ngữ khác nhau. Ngoài ra, Androutsopoulos (2015, tr.8-10) cũng cho rằng, sự khác biệt về năng lực sử dụng ngôn ngữ số (digital literacy) giữa các thế hệ cũng góp phần làm gia tăng khoảng cách này, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả giao tiếp trong xã hội.

4.7. Định hướng sử dụng ngôn ngữ

Từ những phân tích trên, có thể đề xuất một số định hướng trong việc sử dụng ngôn ngữ trong thời đại số:

- Nâng cao nhận thức của người dùng về vai trò của ngữ cảnh trong việc lựa chọn cách sử dụng ngôn ngữ;
- Tăng cường giáo dục kỹ năng sử dụng ngôn ngữ chuẩn trong nhà trường, đặc biệt là kỹ năng viết học thuật;
- Khuyến khích sử dụng ngôn ngữ chuẩn trong các văn bản chính thức và môi trường chuyên nghiệp;
- Tận dụng những ưu điểm của ngôn ngữ mạng như tính linh hoạt và sáng tạo, nhưng trong giới hạn phù hợp với chuẩn mực xã hội.

Nhìn chung, có nói rằng phần nội dung nghiên cứu đã làm rõ bản chất của chuẩn mực ngôn ngữ, đặc điểm của ngôn ngữ trên mạng xã hội và những tác động hai mặt của nó. Việc kết hợp các góc nhìn lý thuyết và thực tiễn cho thấy mạng xã hội không chỉ là yếu tố gây biến đổi mà còn là động lực thúc đẩy sự phát triển của ngôn ngữ hiện đại.

4. Kết luận

Mạng xã hội đã và đang tạo ra những biến đổi sâu sắc trong cách con người sử dụng ngôn ngữ, không chỉ ở phương diện hình thức mà còn ở chức năng và vai trò xã hội của ngôn ngữ. Những thay đổi này phản ánh rõ nét quá trình thích nghi của ngôn ngữ với môi trường giao tiếp số, một môi trường đặc trưng bởi tính nhanh, tính tương tác cao và tính đa phương thức. Như Crystal (2006, tr.241-243) nhận định, ngôn ngữ Internet không làm “suy thoái” ngôn ngữ mà mở rộng phạm vi biểu đạt, tạo ra những hình thức giao tiếp mới phù hợp với nhu cầu của con người trong thời đại công nghệ. Bên cạnh đó, sự phát triển của các hiện tượng như viết tắt, emoji, sáng tạo từ vựng hay pha trộn ngôn ngữ cho thấy tính năng động và sáng tạo của người sử dụng. Ngôn ngữ không còn là một hệ thống tĩnh mà trở thành một thực thể sống, liên tục biến đổi dưới tác động của các yếu tố xã hội, văn hóa và công nghệ. Theo Baron (2008, tr.248-250), môi trường giao tiếp số đã góp phần tái định hình thói quen ngôn ngữ, làm mờ ranh giới giữa ngôn ngữ nói và viết, đồng thời thúc đẩy sự hình thành của các chuẩn mực giao tiếp mới mang tính linh hoạt hơn.

Tuy nhiên, bên cạnh những lợi ích rõ rệt, mạng xã hội cũng đặt ra nhiều thách thức đối với việc duy trì chuẩn mực ngôn ngữ. Sự lan rộng của các dạng ngôn ngữ phi chuẩn, nếu không được kiểm soát trong những ngữ cảnh phù hợp, có thể ảnh hưởng đến năng lực sử dụng ngôn ngữ chính xác, đặc biệt trong môi trường học thuật và hành chính. Do đó, cần có một cách tiếp cận cân bằng và khoa học: vừa tôn trọng quy luật phát triển tự nhiên của ngôn ngữ, vừa nâng cao ý thức sử dụng ngôn ngữ phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp. Điều này đặc biệt quan trọng trong giáo dục, nơi người học cần được trang bị khả năng chuyển đổi linh hoạt giữa các phong cách ngôn ngữ như McCulloch (2019, tr.285-290) nhận định, các công nghệ mới không chỉ thay đổi cách con người giao tiếp mà còn ảnh hưởng đến cách họ suy nghĩ và cấu trúc thông tin. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với việc nghiên cứu ngôn ngữ trong bối cảnh liên ngành, kết hợp giữa ngôn ngữ học, công nghệ và khoa học xã hội. Tóm lại, việc nghiên cứu ảnh hưởng của mạng xã hội đối với ngôn ngữ không chỉ có ý nghĩa lí luận mà còn mang giá trị thực tiễn sâu sắc. Nó góp phần định hướng việc sử dụng ngôn ngữ một cách hiệu quả, phù hợp với từng bối cảnh, đồng thời bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa - ngôn ngữ trong thời đại số hóa toàn cầu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*. Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Văn Khang (2019), *Ngôn ngữ mạng - Biến thể ngôn ngữ trên mạng tiếng Việt*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.

Tiếng Anh

2. Androutsopoulos, J. (2014), *Mediatization and Sociolinguistic Change*. De Gruyter Mouton.
3. Aitchison, J. (2013), *Language Change: Progress or Decay?* Oxford University Press.
- and *Mobile World*. Oxford University Press.
4. Boyd, D., & Ellison, N. (2008), *Social Network Sites: Definition, History, and Scholarship*. Journal of Computer-Mediated Communication 13: 210-230. International Communication Association.
5. Coupland, N. (2007), *Style: Language Variation and Identity*. Cambridge: Cambridge University Press.
6. Crystal, D. (2006), *Language and the Internet*. Cambridge University Press.
7. Danesi, M. (2016), *The Semiotics of Emoji. The rise of visual language in the age of the internet*. London: Bloomsbury Academic.
8. Gardner-Chloros, P. (2009), *Code-switching*. Cambridge University Press.
9. Halliday, M.A.K. (1978), *Language as Social Semiotic. The social interpretation of language and meaning*. London: Edward Arnold, 1978. Pp. 256.
10. Herring, S. C., Stein, D., & Virtanen, T. (2013), *Introduction to the pragmatics of computer-mediated communication*. (Eds.), (pp. 3-32). Berlin/Boston: De Gruyter.

11. Leech, G., Hundt, M., Mair, C., & Smith, N. (2009), *Change in Contemporary English: A Grammatical Study*. Cambridge: Cambridge University Press.
12. McCulloch, G. (2019), *Because Internet: Understanding the New Rules of Language*. NXB: Riverhead Books
13. Milroy, J., & Milroy, L. (1999), *Authority in Language*. London and New York.
14. Nguyen, T.-N., Le, T.-P., & Nguyen, K. (2024). ViLexNorm: A lexical normalization corpus for Vietnamese social media text. *Proceedings of the 18th Conference of the European Chapter of the Association for Computational Linguistics (EACL 2024)*.
15. Susan, H. (2010), *Functions of the Nonverbal in CMC: Emoticons and Illocutionary Force*. Communication Theory. P.249 - 268.
16. Tagliamonte, S., & Denis, D. (2008), *Language in society: Linguistic ruin?* Published online by Cambridge University Press.
17. Thurlow, C. (2003), *Generation Text?* University of Oxford.
18. Thurlow, C. & Mroczek, K. (2011), *Digital Discourse: Language in the New Media*. Oxford University Press.

The impact of social media language on modern language norms

Abstract: In the context of rapid digital technological development, social media language has become a prevalent communication environment with a profound influence on linguistic life. This article analyzes the impact of social media on modern language norms, focusing on aspects such as changes in vocabulary, syntax, styles of expression, and spelling conventions. Based on methods including document analysis, observation, and comparative analysis, the study indicates that social media language both fosters linguistic creativity and poses challenges to the maintenance of established criteria. Accordingly, the paper proposes several orientations to balance flexibility and standardization in language use.

Key words: Social media language; language norms; non-verbal communication; language change; digital communication.